

Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro
СП «Вьетсовпетро»
Phòng Thương mại / КО
№: 6606/26-KHLCNT-PTM/BMĐH
13.05.2026

СРВ
Независимость – Свобода - Счастье

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Chánh Kỹ sư Vietsovpetro
Главный инженер Вьетсовпетро

Signed by: Lê Việt Dũng
Date: 18/05/2026 13:58:42
Certified by: Vietsovpetro CA

Ле Вьет Зунг

PHÊ DUYỆT
“УТВЕРЖДАЮ”
Tổng giám đốc VIETSOVPETRO
Генеральный директор

Signed by: Vũ Mai Khanh
Date: 19/05/2026 09:40:04
Certified by: Vietsovpetro CA

Ву Май Кхань

THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
Phó Tổng giám đốc phụ trách các HĐ DK
và Thương mại
Зам. Ген. Директора по нефтегазовым
контрактам и коммерческой работе

Signed by: Trần Quốc Thắng
Date: 18/05/2026 15:14:44
Certified by: Vietsovpetro CA

Чан Куок Тханг

PHÊ DUYỆT
“УТВЕРЖДАЮ”
Phó tổng giám đốc thứ nhất Vietsovpetro
Первый зам. ген. директора
СП «Вьетсовпетро»

Signed by: Сидоров Игорь
Николаевич
Date: 19/05/2026 06:57:20
Certified by: Vietsovpetro CA

Сидоров И. Н.

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU **ПЛАН ВЫБОРА ПОДРЯДЧИКА**

Đơn vị đặt hàng: Xí nghiệp Khai thác dầu khí
Заказчик: ПДНГ

Đơn hàng: No 91-VT-1639/26-KT ngày 28/04/2026
Заявка: No. от

Tên hàng hóa: Vật tư, phụ tùng bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị cơ khí, hệ thống HVAC và hệ thống công nghệ

Наименование товара: Материалы и ЗИП для технического обслуживания и ремонта механического оборудования, систем HVAC и технологических систем

Ngày nhận đơn hàng: 29/04/2026
Дата получения заявки отделом исполнителем:

Phòng thực hiện: Phòng Thương mại
Отдел – исполнитель: КО



Quy chế áp dụng: **Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro số VSP-000-TM-238, phiên bản 02, sửa đổi 02 hiệu lực từ ngày 01/01/2026.**

Применяется Положению: Положение о порядке приобретения товаров и услуг для обеспечения непрерывность хозяйственно-производственной деятельности и поддержания постоянной работы СП «Вьетсовпетро» № VSP-000-TM-238, Версия 2, с изменениями 02, действующие с 01.01.2026.

Số hiệu gói thầu: **91-VT-1639/26-KT-BTNA**

Номер тендерного пакета:

Tên Gói thầu: **Vật tư, phụ tùng bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị cơ khí, hệ thống HVAC và hệ thống công nghệ, Lô 04-3**

На приобретение товара: Материалы и ЗИП для технического обслуживания и ремонта механического оборудования, систем HVAC и технологических систем, Блок 04-3

Loại gói thầu: Mua sắm hàng hóa

Вид тендерного пакета: На приобретение товаров

Giá gói thầu: 162.581,93 USD/ 4.259.321.358 VNĐ

Ориентировочная стоимость пакета, включая:

Trong đó bao gồm:

- Giá trị hàng hóa/*Стоимость товаров:* 134.365,23 USD/ 3.520.100.296 VNĐ

- Giá trị dự phòng / *Запас:* 0 USD

- Thuế - *Налог:* 28.216,70 USD/ 739.221.062

Giá trị thuế ước tính/*Ориентировочная сумма налогов:*

Bao gồm - *В т. ч:*

- Giá trị thuế nhập khẩu/ *Налог на импорт:* 13.436,52 USD/ 352.010.030 VNĐ

- Giá trị thuế GTGT/ *НДС:* 14.780,18 USD/ 387.211.033 VNĐ

- Giá trị thuế khác (nếu có)/*Сумма других налогов (при наличии):* 0 USD

Gói thầu chia thành 13 phần tương ứng với **13** nhóm hàng và sẽ được đánh giá và lựa chọn theo từng nhóm hàng/ *Тендерный пакет делится на 13 группы товаров, будет оцениваться и выбирать по группам материалов:*

Tỷ giá: 26.198 VNĐ/USD

Phần nhóm	Hạng mục công việc <i>Наименование</i>	Giá trị hàng hóa USD/VNĐ <i>Стоимость товаров</i>	Giá trị thuế nhập khẩu USD/VNĐ <i>Налог на импорт</i>	Giá trị thuế GTGT USD/VNĐ <i>НДС</i>	Tổng giá trị bao gồm thuế USD/VNĐ <i>Общая стоимость с учетом налогов</i>
		(1)	(2)	(3)	(1+2+3)
1.	Nhóm 1 (mục 1)	USD 712,58/ 18.668.171 VNĐ	USD 71,26 / 1.866.817 VNĐ	USD 78,38 / 2.053.499 VNĐ	USD 862,22 / 22.588.487 VNĐ
2.	Nhóm 2 (mục 2)	USD 1.438,31 /37.680.845 VNĐ	USD 143,83 / 3.768.085 VNĐ	USD 158,21 / 4.144.893 VNĐ	USD 1.740,36 / 45.593.823 VNĐ

Phần grup	Hạng mục công việc <i>Наименование</i>	Giá trị hàng hóa USD/VNĐ <i>Стоимость товаров</i>	Giá trị thuế nhập khẩu USD/VNĐ <i>Налог на импорт</i>	Giá trị thuế GTGT USD/VNĐ <i>НДС</i>	Tổng giá trị bao gồm thuế USD/VNĐ <i>Общая стоимость с учетом налогов</i>
		(1)	(2)	(3)	(1+2+3)
3.	Nhóm 3 (mục 3-4)	USD 8.368,60 / 219.240.583 VNĐ	USD 836,86 / 21.924.058 VNĐ	USD 920,55 / 24.116.464 VNĐ	USD 10.126,01 / 265.281.105 VNĐ
4.	Nhóm 4 (mục 5)	USD 17.766,80/ 465.454.626 VNĐ	USD 1.776,68 / 46.545.463 VNĐ	USD 1.954,35/ 51.200.009 VNĐ	USD 21.497,83 / 563.200.098 VNĐ
5.	Nhóm 5 (mục 6-7)	USD 27.101,30/ 709.999.857 VNĐ	USD 2.710,13 / 70.999.986 VNĐ	USD 2.981,14 / 78.099.984 VNĐ	USD 32.792,57 / 859.099.827 VNĐ
6.	Nhóm 6 (mục 8-17)	USD 9.230,70/ 241.825.879 VNĐ	USD 923,07 / 24.182.588 VNĐ	USD 1.015,38 / 26.600.847 VNĐ	USD 11.169,15 / 292.609.313 VNĐ
7.	Nhóm 7 (mục 18)	USD 3.886,75/ 101.825.077 VNĐ	USD 388,68 / 10.182.508 VNĐ	USD 427,54 / 11.200.758 VNĐ	USD 4.702,97 / 123.208.343 VNĐ
8.	Nhóm 8 (mục 19)	USD 17.354,12/ 454.643.236 VNĐ	USD 1.735,41 / 45.464.324 VNĐ	USD 1.908,95 / 50.010.756 VNĐ	USD 20.998,49 / 550.118.315 VNĐ
9.	Nhóm 9 (mục 20-22)	USD 6.002,39/ 157.250.613 VNĐ	USD 600,24 / 15.725.061 VNĐ	USD 660,26 / 17.297.567 VNĐ	USD 7.262,89 / 190.273.242 VNĐ
10.	Nhóm 10 (mục 23-31)	USD 2.247,39/ 58.877.123 VNĐ	USD 224,74 / 5.887.712 VNĐ	USD 247,21 / 6.476.484 VNĐ	USD 2.719,34 / 71.241.319 VNĐ
11.	Nhóm 11 (mục 32-34)	USD 20.029,20/ 524.724.982 VNĐ	USD 2.002,92 / 52.472.498 VNĐ	USD 2.203,21 / 57.719.748 VNĐ	USD 24.235,33 / 634.917.228 VNĐ
12.	Nhóm 12 (mục 35-36)	USD 19.061,13/ 499.363.484 VNĐ	USD 1.906,11 / 49.936.348 VNĐ	USD 2.096,72 / 54.929.983 VNĐ	USD 23.063,97 / 604.229.815 VNĐ
13.	Nhóm 13 (mục 37)	USD 1.165,96/ 30.545.820 VNĐ	USD 116,60 / 3.054.582 VNĐ	USD 128,26 / 3.360.040 VNĐ	USD 1.410,81 / 36.960.442 VNĐ
	Tổng	USD 134.365,23 / 3.520.100.296 VNĐ	USD 13.436,52 / 352.010.030 VNĐ	USD 14.780,18 / 387.211.033 VNĐ	USD 162.581,93 / 4.259.321.358 VNĐ

Quy mô gói thầu: Gói thầu quy mô nhỏ
Тендерный пакет: Малой стоимости

Tùy chọn mua thêm: Không
Опция дополнительной закупки: Нет

Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa: Không
Максимальный объем опций дополнительной закупки: Нет

Lô 04-3/Блок 04-3

Nguồn tài chính-Источник финансирования: